

# NỖI SÂU OÁN CỦA NGƯỜI CUNG NỮ

(Trích *Cung oán ngâm*)

(2 tiết)

NGUYỄN GIA THIỀU

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu và cảm nhận được nỗi niềm bi phẫn của người cung nữ thời xưa.
- Thấy được nghệ thuật sử dụng từ ngữ, hình ảnh, âm điệu,... trong việc thể hiện tình cảm của nhân vật trong đoạn trích.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

**1. Về hoàn cảnh xã hội.** Chế độ cung nữ là sản phẩm tội ác của vua chúa trong hàng nghìn năm dưới thời phong kiến. Vua chúa tự đặt ra quyên được tuyển hàng trăm thiếu nữ vào cung. Mùa xuân năm 1130, vua Lí Thần Tông xuống chiếu cho con gái các quan không được lấy chồng, đợi sau khi chọn sung vào hậu cung, người nào không trúng tuyển mới được lấy chồng.

Người trúng tuyển phải ở "tiêu phòng" cho đến già, phải đoạn tuyệt với gia đình, làng xóm, không được liên lạc với mọi sinh hoạt của xã hội bên ngoài.

Đời sống tối tăm, thâm trầm của người cung nữ đã làm động lòng nhiều thế hệ người cầm bút, nhất là trong thời kì vua Lê, chúa Trịnh cầm quyền. Hai tác giả Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huy Lượng, mỗi người có một tập *Cung oán thi*, Vũ Trinh có *Cung oán thi tập*. Đặc biệt, có tác giả vô danh đã làm tới một trăm bài thơ Nôm về đề tài cung oán theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Nhưng so sánh tất cả thì không một tác phẩm nào có được tiếng nói mãnh liệt, sâu sắc như *Cung oán ngâm* của Nguyễn Gia Thiều.

**2. Về thể loại.** Nguyễn Gia Thiều không phải là người mở đầu dùng thể song thất lục bát để viết khúc ngâm. Nhưng, với *Cung oán ngâm*, ông là tác giả có công trong việc đưa thể thơ này đến chỗ có cách luật ổn định.

Trong thể thơ song thất lục bát, câu bát của khổ trên hiệp vần lưng với câu thất trác của khổ dưới, câu thất trác hiệp vần lưng với câu thất bằng nằm sau nó. Trước *Cung oán ngâm*, những chỗ hiệp vần lưng này có thể là chữ thứ ba, nhưng cũng

có thể là chữ thứ năm. *Tứ thời khúc vịnh* của Hoàng Sĩ Khải (đầu thế kỉ XVII) gồm 85 khổ song thất lục bát thì có 72 khổ hiệp vần ở chữ thứ ba, 12 khổ hiệp vần ở chữ thứ năm. Bản diễn Nôm *Chinh phụ ngâm* có 102 khổ thì có 24 khổ hiệp vần ở chữ thứ ba, 78 khổ hiệp vần ở chữ thứ năm. Đến *Cung oán ngâm*, cả 88 khổ thơ đều hiệp vần lưng ở chữ thứ năm.

Rõ ràng định vị hiệp vần lưng ở chữ thứ năm là giải pháp đẹp nhất về mặt âm luật. Vì chữ cuối của câu bát là một thanh bằng, mà chữ thứ năm của câu thất *trắc*, không thể khác, cũng là một thanh *bằng*. Nếu hiệp vần lưng ở chữ thứ ba của câu này, thì sẽ không thực hiện được sự luân phiên các bước thơ theo trình tự *trắc – bằng – trắc*. Như thế cũng sẽ không thực hiện được phép đối thanh giữa câu thất trắc và câu thất bằng tiếp giáp sau nó. Ví dụ như các câu 288, 289, 290 trong bản diễn Nôm *Chinh phụ ngâm* :

Câu bát :           *Cách duềnh thấp thoáng người đầu đi về.*

Câu thất trắc : *Trông bốn bề chân trời mặt đất,*

Câu thất bằng : *Lên xuống lầu thám thoát đòi phen.*

Sau *Cung oán ngâm*, những ca khúc trữ tình có giá trị viết theo thể song thất lục bát như *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du, bản dịch *Tì bà hành* của Phan Huy Vịnh<sup>(1)</sup>, *Tự tình khúc* của Cao Bá Nhạ, *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thận,... thường nhất loạt hiệp vần ở chữ thứ năm của câu thất.

**3. Về tên gọi tác phẩm.** Nhiều bản in quốc ngữ hiện hành đều ghi là *Cung oán ngâm khúc*. Bản in chữ Nôm Long Hoà, Thành Thái năm thứ 14 (1902), trong sách *Danh gia quốc âm*<sup>(2)</sup>, ghi là *Cung oán ngâm*. Ở đây theo cách gọi trong bản Nôm xưa : *Cung oán ngâm*.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phần mở đầu

GV nêu câu hỏi kiểm tra HS đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK : *Cung oán ngâm* là tác phẩm thuộc thể loại gì ? Tác giả là ai ? Giải thích nhan đề "Cung oán ngâm".

---

(1) Nay nhiều người cho bản dịch là của Phan Huy Thực, cha của Phan Huy Vịnh.

(2) Trần Văn Giáp (Chủ biên), 1971, tr. 16.

## 2. Phân tổ chức bài học

### *Câu hỏi 1*

Đoạn trích gồm chín khổ thơ, từ câu 209 đến câu 244, diễn tả nỗi sâu oán của người cung nữ khi bị vua bỏ rơi.

– Bốn khổ đầu : Cuộc sống lẻ loi, buồn tủi của người cung nữ đối lập với cảnh xa hoa tráng lệ ở nơi cung cấm.

– Năm khổ thơ tiếp theo : Cuộc đày ải kéo dài với những thất vọng nặng nề trong cảnh ngày đêm ngóng trông, chờ đợi của người cung nữ.

### *Câu hỏi 2*

*Những yếu tố nghệ thuật trong đoạn trích thể hiện nỗi sâu oán và tâm trạng uất ức của người cung nữ*

– GV nêu câu hỏi cho HS tìm hiểu không gian, thời gian trong đoạn thơ và cho biết chúng có tác dụng gì trong việc thể hiện nỗi cô đơn, lạnh lẽo của người cung nữ bị bỏ rơi.

– GV gợi cho HS tìm những từ ngữ, hình ảnh so sánh nói lên tâm trạng của người cung nữ.

+ Nội dung cảm xúc của nhân vật trữ tình có quan hệ với cách sử dụng từ ngữ trong đoạn trích.

+ Từ ngữ được dùng có sức gợi cảm mạnh mẽ : "Chơi hoa cho rửa nhụy dần lại thôi", "Gương loan bẻ nửa, dải đồng xé đôi", "Để gậy bông thắm, để xơ nhụy vàng", "Giết nhau chẳng cái lưu câu - Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa !".

+ Những từ Hán Việt thường được đặt cạnh những từ nôm na, với dụng ý làm nổi bật sự đối lập giữa cuộc sống âm thầm, cô quạnh của người cung nữ với cảnh xa hoa tráng lệ ở nơi cung cấm :

- *Trong cung quế âm thâm chiếc bóng*
- *Lâu đài nguyệt đứng ngời dạ vũ,*  
*Gác thừa lương thức ngủ thu phong.*
- *Phòng tiêu lạnh ngắt như đồng...*

Nội dung cảm xúc trong đoạn thơ đã tạo nên giọng văn réo rắt, sâu khổ oán hờn riêng của *Cung oán ngâm*.

### **Câu hỏi 3**

*Thân phận người cung nữ và hình ảnh bọn vua chúa*

Qua đoạn trích, thân phận người cung nữ hiện lên hết sức bi thảm. Bị bỏ rơi mà nàng đâu được buông tha. Người cung nữ hết ngày lại đêm cứ phải đứng tủi ngồi sầu, khắc khoải ngóng chờ vô vọng.

Người cung nữ ý thức rất rõ về kẻ đã gây tai họa khủng khiếp cho đời mình. Theo nàng, người ta đã giết mình, không phải bằng gươm sắc mà bằng cách kéo dài cuộc sống đầy ải trong cảnh chán đơn gối chiếc, cửa mốc sân rêu.

Qua lời thở than oán trách của người cung nữ, tên vua hiện lên đúng với bộ mặt của kẻ trá trở, độc ác :

*Khoảnh làm chi bậy chúa xuân !  
Chơi hoa cho rữa nhụy dần lại thôi.*

### **Câu hỏi 4**

*Nỗi thất vọng nặng nề của người cung nữ*

*Cung oán ngâm* chủ yếu là lời than, nhưng lời than của người cung nữ mới thật ghê gớm làm sao ! Nó là tiếng kêu thì đúng hơn. Ở đây, buồn bã hay oán trách, không một tình cảm nào ở mức độ trung bình, vừa phải. Tất cả đều gay gắt, mãnh liệt.

Một nỗi buồn u ám, nặng nề :

*Lạnh lùng thay giấc cô miên,  
Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u.*

Hương đốt lên để cho phòng ấm áp, thơm tho, thế mà chỉ gây cho người cung nữ cái cảm giác vắng lặng, tịch mịch. Đèn đốt lên cốt để đem lại ánh sáng, thế mà chỉ gây cho nàng cảm giác âm u, tăm tối. Cảm giác *tịch mịch, thâm u* nêu lên không phải là cảm giác trực tiếp gây nên bởi *mùi hương* hay *bóng đèn*, mà chính là cái cảm giác u ám trong tâm trạng của người cung nữ.

Trong nỗi buồn có cái quằn quại, tức tối :

*Hoa này bướm nở thờ ơ,  
Để gầy bông thắm, để xơ nhụy vàng.*

Có cả ý muốn bút phá để thoát ra khỏi cảnh bị giam hãm :

*Đang tay muốn dứt tơ hồng,  
Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra.*

Lời oán trách không nhẹ nhàng như của người chinh phụ trong *Chinh phụ ngâm* "Trên trướng gấm thêu hay chăng nhẽ ?" mà là đay nghiến, hằn học :

*Giết nhau chẳng cái lưu cầu,  
Giết nhau bằng cái u sầu, độc chửa !*

### 3. Phân củng cố

Qua đoạn trích *Nỗi sầu oán của người cung nữ*, ta thấy :

– Với niềm đồng cảm sâu sắc, nhà thơ đã thể hiện thân phận người cung nữ sống trong một cảnh ngộ bị chà đạp đến mức nghệt thở.

– Đoạn trích cũng tố cáo chế độ phong kiến thối nát và bày tỏ thái độ phản kháng mãnh liệt của tác giả.

– Giọng thơ trữ tình trong đoạn trích gồm hai yếu tố trái ngược nhau và có liên hệ với nhau : một cảm giác buồn chán nặng nề do bị sống trong cảnh nghệt thở và một thèm khát những lạc thú của con người bình thường, vẫn không nguôi thôi thúc ám ảnh. Nỗi chán nản đến tuyệt vọng và thèm khát cháy bỏng như là hai cực của điện tích trái dấu, tràn qua câu thơ làm thành những làn sóng trữ tình dồn dập, mãnh liệt.

– Ngôn ngữ đoạn trích rất điêu luyện, nhiều câu thơ khái quát cô đọng, tuy dùng nhiều từ Hán Việt mà vẫn sáng tạo được những hình ảnh giàu sức ám ảnh. Đoạn trích là một bằng chứng cho thấy *Cung oán ngâm* quả là một trong những đỉnh cao của văn chương trung đại Việt Nam.

## IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

GV gợi ý cho HS phân tích nội dung ai oán và thương thân của hai đoạn trích và nội dung đó thể hiện khuynh hướng nhân đạo chủ nghĩa trong văn học đương thời. Nếu như chủ nghĩa nhân đạo ở phương Tây thời kì Phục hưng thiên về khẳng định con người cá tính, khẳng định cuộc sống trần thế, chống thần quyền, quân quyền, thì ở Việt Nam thế kỉ XVIII - XIX, do chiến tranh liên miên, chế độ phong kiến thối nát, thấy nổi lên qua các tác phẩm văn học, nhu cầu khẳng định quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc của con người, bằng cách lên án xã hội bất công và tỏ sự đồng cảm và lòng xót thương sâu sắc đối với những kiếp người bất hạnh, đặc biệt là người phụ nữ bị đẩy đoạ vào cảnh cô đơn, nhục nhã, đau đớn, tuyệt vọng. Đó là khuynh hướng nhân đạo thể hiện trong *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm*, *Truyện Kiều* và nhiều sáng tác thuộc thể loại khác, như thơ của Hồ Xuân Hương,...